VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 73/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ VH, TT và DL;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các Tổ chức chính trị-xã hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Tây Ninh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng: VHXH, TH;
- Lưu: VT, Mai.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Tấn Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 73/2026/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với chính quyền địa phương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường; các Sở, ban, ngành có liên quan đến việc hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện, bảo đảm mức đạt chuẩn không thấp hơn so với quy định của Trung ương. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa.

2. Các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030 phải đảm bảo tuân thủ quy định của Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030, các quy định khác có liên quan và nội dung của Quy định này.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ban, ngành, địa phương trong hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

CHƯƠNG II
CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU XÃ, PHƯỜNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TOÀN DIỆN

Điều 4. Tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện

1. Văn hóa ứng xử trong cộng đồng.

2. Thông tin, truyền thông, giáo dục văn hóa.

3. Phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Cơ sở vật chất văn hóa cơ sở.

5. Hoạt động văn hóa cơ sở.

6. Di sản văn hóa.

7. Chuyển đổi số, dữ liệu số.

8. Nhân lực quản lý văn hóa.

9. Phát triển công nghiệp văn hóa.

10. Nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

Chi tiết nội dung tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện được quy định cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

Điều 5. Triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.2.1, 1.3, 2.1, 2.2, 2.3, 2.5, 2.9, 3.1, 3.2, 3.3, 4.1, 4.2.1, 4.2.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6,4.7, 4.9, từ 5.1 đến 5.8, từ 6.1 đến 6.5, từ 7.1 đến 7.4, 8.1 đến 8.5, 9.1 đến 9.3 và 10.1.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 1.1.1.

b) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.1.2 và 2.4.1.

c) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.1.3 và 2.4.3.

d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 1.2.3.

đ) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 2.4.2.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí 1.2.2, 2.6, 2.7, 2.8 và 4.8.

Điều 6. Xét, công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện

Quy trình khung xét, công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Quy trình cụ thể

căn cứ hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu triển khai.

CHƯƠNG III
TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lịch - cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Triển khai trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, thu hồi quyết định công nhận, mẫu bằng công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện.

2. Tổng hợp kết quả thẩm định đối với các nội dung tiêu chí do Sở, ban, ngành tỉnh phụ trách gửi về.

3. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ xét, công nhận và quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường và thu hồi quyết định công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện.

4. Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh.

5. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh tiêu chí, chỉ tiêu đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 8. Các Sở, ban, ngành tỉnh

Các Sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách các nội dung quy định các tiêu chí, chỉ tiêu căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai nội dung các tiêu chí, chỉ tiêu do Sở, ban, ngành quản lý thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030; chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, thẩm định và thông báo kết quả đối với các nội dung tiêu chí do ngành phụ trách.

Điều 9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp với các cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện; tham gia tổ chức giám sát việc thực hiện Quyết định này; tăng cường vận động các nguồn lực xã hội đóng góp vào việc hoàn thiện các tiêu chí theo đúng nguyên tắc tự nguyện và công khai, minh bạch.

Điều 10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Căn cứ quy định tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện được ban hành tại Quy định này và hướng dẫn của các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch chủ động triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý.

2. Triển khai thực hiện quy trình xét, công nhận xã, phường đạt chuẩn phát triển văn hóa toàn diện theo quy trình khung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12/11/2025 và hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện được bố trí từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định và các nguồn lực hợp pháp khác.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện chế độ báo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lịch - cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản hoặc quy định pháp luật mới ban hành (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường báo cáo, đề xuất về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật./.

PHỤ LỤC

Các tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường phát triển văn hóa toàn diện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73./2026/QĐ-UBND ngày…01../6/2026 của UBND tỉnh)

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ		CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
1	**Văn hóa ứng xử trong cộng đồng**	1.1. Tỷ lệ cơ quan, tổ chức cấp xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy giao tiếp, ứng xử trong môi trường làm việc. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 1.1.1-1.1.3)	1.1.1. Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước cấp xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy văn hóa công vụ, ứng xử văn hóa.	100%	Sở Nội vụ
			1.1.2. Có quy chế hoặc nội quy giao tiếp, ứng xử do cơ quan công an nhân dân cấp xã ban hành và tổ chức triển khai.	Đạt (Có ban hành quy chế/nội quy được niêm yết công khai và xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai)	Công an tỉnh
			1.1.3. Tỷ lệ cơ sở khám, chữa bệnh y tế trên địa bàn xã ban hành và tổ chức triển khai quy chế hoặc nội quy giao tiếp, ứng xử.	100%	Sở Y tế
		1.2. Xây dựng (trong trường hợp chưa có bộ quy tắc ứng xử) và triển khai các bộ quy tắc ứng xử, phù	1.2.1. Triển khai các bộ quy tắc ứng xử trong gia đình, không gian mạng, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư (Xây dựng mới trong trường	Đạt (Cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể)	Sở VH, TT và DL

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ		CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		hợp với đặc điểm địa phương và nguyên tắc bình đẳng giới trong các môi trường văn hóa. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 1.2.1-1.2.3)	hợp chưa có bộ quy tắc ứng xử).		
			1.2.2. Triển khai các bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường (Xây dựng mới trong trường hợp chưa có bộ quy tắc ứng xử).	Đạt (Cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể)	Sở Giáo dục và Đào tạo
			1.2.3. Triển khai các bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng.	Đạt (Cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể)	Sở Công Thương
		1.3. Tỷ lệ hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện (công nhận mới, sửa đổi, bổ sung)[1] có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình trong thời kỳ mới.		100%	Sở VH, TT và DL
2	**Thông tin, truyền thông, giáo dục văn hóa**	2.1. Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống, tình yêu thương, truyền thống dân tộc và các giá trị văn hóa tốt đẹp; phòng ngừa rủi ro, tệ nạn xã hội, bạo lực trong gia đình.		85%	Sở VH, TT và DL
		2.2. Có mô hình cấp xã về truyền thông, giáo dục xây dựng gia đình hạnh phúc.		Đạt (Có Quyết định thành lập, quy chế hoạt động do cấp xã thành lập)	Sở VH, TT và DL
		2.3. Tỷ lệ nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được giáo dục, tư vấn về hôn nhân gia đình, kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc.		80%	Sở VH, TT và DL
		2.4. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ	2.4.1. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực	Đạt	Công an tỉnh

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ		CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		năng sống cho người dân trên địa bàn. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 2.4.1-2.4.3)	hành kỹ năng ứng phó với hỏa hoạn.	(Cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức phổ biến, hướng dẫn, mỗi năm từ 1-2 lớp)	
			2.4.2. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ năng ứng phó với thiên tai, thảm họa môi trường.	Đạt (Cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức phổ biến, hướng dẫn, mỗi năm từ 1-2 lớp)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
			2.4.3. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hành kỹ năng ứng phó với dịch bệnh.	Đạt (Cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức phổ biến, hướng dẫn, mỗi năm từ 1-2 lớp)	Sở Y tế
		2.5. Tỷ lệ người dân được tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước, tấm gương điển hình[2], những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, giá trị cộng đồng, giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo.		100%	Sở VH, TT và DL
		2.6. Tỷ lệ học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục trên địa bàn được tham gia các hoạt động giáo dục nghệ thuật[3].		100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.7. Tỷ lệ học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục trên địa bàn được tham gia hoạt động giáo dục di sản văn hóa gắn với tham quan, trải nghiệm tại các địa điểm di sản văn hóa trên địa bàn hoặc khu vực lân cận.		100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.8. Tỷ lệ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý được phổ biến, bồi dưỡng kiến thức về văn hóa ứng xử, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc.[4]		100%	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ		CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		2.9. Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có một trong các thiết bị gồm: máy thu thanh, thu hình (TV), máy tính hoặc điện thoại thông minh (smartphone) có thể thu, xem các chương trình phát thanh, truyền hình thiết yếu Trung ương và địa phương tại nơi sinh sống.		100%	Sở VH,TT và DL
3	**Phòng, chống bạo lực gia đình**	3.1. Tỷ lệ vụ việc bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật.		98%	Sở VH, TT và DL
		3.2. Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.		Đạt (Cấp xã ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động gồm: Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững/Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy nơi cộng đồng)	Sở VH, TT và DL
		3.3. Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình khi phát hiện được tiếp cận, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu[5].		100%	Sở VH, TT và DL
4	**Cơ sở vật chất văn hóa cơ sở**	4.1. Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn.		Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [6])	Sở VH, TT và DL
		4.2. Tỷ lệ khu phố, ấp, tổ dân phố và tương đương có không gian sinh hoạt văn hóa, thể thao cộng đồng, có trang thiết bị hoạt động, phương tiện chuyên dụng, có quy chế hoạt động bền vững, hiệu quả. (Đáp ứng toàn bộ các tiêu chí 4.2.1-4.2.2).	4.2.1. Tỷ lệ khu phố, ấp, khu dân cư có Nhà văn hóa - Khu thể thao (trong đó có 70% đạt chuẩn[7]).	100%	Sở VH, TT và DL

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		4.2.2. Tỷ lệ khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao (trong đó 100% đạt chuẩn)[8].	100%	Sở VH, TT và DL
		4.3. Tỷ lệ khu phố, ấp, khu dân cư và tương đương có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.	80%	Sở VH, TT và DL
		4.4. Có thư viện cấp xã đạt chuẩn	Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [9])	Sở VH, TT và DL
		4.5. Tỷ lệ khu phố, ấp, khu dân cư có mô hình thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở.	70%	Sở VH, TT và DL
		4.6. Có trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn, phục vụ người lao động của các khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp trên địa bàn.	Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [10])	Sở VH, TT và DL
		4.7. Có công viên, quảng trường hoặc sân vận động gắn với điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em, người cao tuổi, thanh niên.	Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [11])	Sở VH, TT và DL
		4.8. Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn có thư viện (có đầu sách đa dạng, thiết bị phù hợp), sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, hệ thống phòng học cho các môn học âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật, không gian tổ chức hoạt động trải nghiệm văn hóa địa phương.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		4.9. Tỷ lệ cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng mới trên địa bàn có không gian nghệ thuật công cộng trong hoặc ngoài khuôn viên.	40%	Sở VH, TT và DL
5	**Hoạt động văn hóa cơ sở**	5.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã có quy chế quản lý và vận hành hiệu quả; tổ chức hoạt động	Đạt (Có quyết định thành lập, quy chế hoạt động và vận	Sở VH, TT và DL

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao thường xuyên đáp ứng nhu cầu người dân trên địa bàn.	hành hiệu quả; hàng năm tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 06-08 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao; có từ 02 đến 04 câu lạc bộ đội, nhóm sở thích được thành lập và hoạt động thường xuyên hiệu quả; có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân trên địa bàn tham gia).	
		5.2. Tỷ lệ khu phố, ấp, khu dân cư có ít nhất 01 đội, nhóm, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.	70%	Sở VH, TT và DL
		5.3. Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.	45%	Sở VH, TT và DL
		5.4. Tỷ lệ số hộ gia đình luyện tập thể dục, thể thao.	35%	Sở VH, TT và DL
		5.5. Có mô hình văn hóa cơ sở phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của địa phương.	Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [12])	Sở VH, TT và DL
		5.6. Tỷ lệ lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng, tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.	100%	Sở VH, TT và DL
		5.7. Thường xuyên tổ chức các buổi chiếu phim công cộng phục vụ cộng đồng dân cư.	Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [13])	Sở VH, TT và DL
			Đạt	Sở VH, TT và DL

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ		CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		5.8. Có mô hình về nâng cao nhận thức về pháp luật cho con người Việt Nam, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.		(Có quyết định thành lập, quy chế hoạt động)	
6	**Di sản văn hóa**	6.1. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia trở lên [14] trên địa bàn hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.		100%	Sở VH, TT và DL
		6.2. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường[15]. (Đáp ứng ứng toàn bộ các tiêu chí 6.2.1-6.2.2)	6.2.1. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia đặc biệt.	95%	Sở VH, TT và DL
			6.2.2. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia.	70%	Sở VH, TT và DL
		6.3. Tỷ lệ di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn có chương trình giáo dục di sản văn hóa.		100%	Sở VH, TT và DL
		6.4. Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.		Đạt (Hàng năm cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn)	Sở VH, TT và DL
		6.5. Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản.		Đạt (Hàng năm cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn)	Sở VH, TT và DL
7	**Chuyển đổi số, dữ liệu số**	7.1. Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của UBND cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số.		Đạt (Cấp xã ban hành kế hoạch, báo cáo kết quả triển khai)	Sở VH, TT và DL

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		7.2. Các cơ sở dữ liệu văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa do UBND cấp xã quản lý được số hóa, chuẩn hóa và kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu của UBND tỉnh hoặc hệ thống chuyên ngành của Bộ VHTTDL thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.	100%	Sở VH, TT và DL
		7.3. Thư viện cấp xã thực hiện số hóa, liên thông và quản lý thông qua hệ thống quản lý thông tin của UBND tỉnh hoặc hệ thống thư viện số quốc gia của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	100%	Sở VH, TT và DL
		7.4. Tỷ lệ các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.	100%	Sở VH, TT và DL
8	**Nhân lực quản lý văn hóa**	8.1. Tỷ lệ cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ[16].	100%	Sở VH, TT và DL
		8.2. Tỷ lệ người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.	100%	Sở VH, TT và DL
		8.3. Tỷ lệ thư viện cộng đồng có người làm công tác thư viện được đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng vận hành thư viện hiện đại.	90%	Sở VH, TT và DL
		8.4. Định kỳ hàng năm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực hướng dẫn tập luyện, tổ chức các hoạt động thể thao phong trào phục vụ cộng đồng dân cư cho cán bộ phụ trách và cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở trên địa bàn.	Đạt (Hàng năm cấp xã ban hành kế hoạch tập huấn, hướng dẫn)	Sở VH, TT và DL
		8.5. Tỷ lệ cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng xa được	100%	Sở VH, TT và DL

STT	TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
		tập huấn chuyên sâu, nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn về công tác gia đình.		
9	**Phát triển công nghiệp văn hóa**	9.1. Có làng nghề truyền thống trên địa bàn chuyển đổi, phát triển theo định hướng công nghiệp văn hóa, sáng tạo, kết hợp phát triển du lịch.	Đạt (Cấp xã Quyết định thành lập; quy chế hoạt động)	Sở VH, TT và DL
		9.2. Có thương hiệu, doanh nghiệp, sản phẩm công nghiệp văn hóa tiêu biểu của địa phương được hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại.	Đạt (Cấp xã ban hành kế hoạch; báo cáo)	Sở VH, TT và DL
		9.3. Có mạng lưới không gian nghệ thuật công cộng với các hoạt động hỗ trợ nghệ sĩ và cộng đồng thực hành sáng tạo tại địa phương.	Đạt (Đáp ứng các điều kiện tại mục [17])	Sở VH, TT và DL
10	**Nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình**	10.1. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách quản lý, điều phối thực hiện Chương trình cấp xã, cán bộ trong hệ thống chính trị cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quản lý, điều phối thực hiện Chương trình.	100%	Sở VH, TT và DL

---

[1] Theo pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

[2] Trong lao động và xây dựng Tổ quốc.

[3] Trong và ngoài nhà trường, tại các thiết chế văn hóa cơ sở, thiết chế văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn hoặc khu vực lân cận.

[4] Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

[5] Ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình.

[6] Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đảm bảo các yêu cầu sau: Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ,

thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng. Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao. Diện tích: Đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đáp ứng các yêu cầu về số lượng, vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, nhân sự quản lý, cộng tác viên, tỷ lệ lấp đầy... theo quy định.

[7] Đáp ứng các yêu cầu về vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, mô hình quản lý, tỷ lệ lấp đầy...theo quy định. Có biện pháp về cảnh quan, không gian, kiến trúc mang bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo tính gần gũi, thân thuộc, phù hợp lối sống, sinh hoạt, phong tục tập quán địa phương. Tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai, có cơ sở vật chất, biện pháp kết hợp chức năng sơ tán, tránh trú nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

[8] Đáp ứng các yêu cầu về vị trí, diện tích mặt bằng được sử dụng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, nhân sự,...theo quy định.

[9] Đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật về thư viện; thư viện công cộng cấp xã bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 93/2020/NĐ-CP). Diện tích bảo đảm không thấp hơn 200 m^2, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh. điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số hoạt động thư viện, tiện ích thư viện, nhân lực, tài nguyên thông tin; có khả năng kết nối, liên thông với thư viện cấp tỉnh trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ phục vụ người sử dụng; tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng...

[10] Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: Hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: âm thanh, ánh sáng, phông, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời

đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị, các khu cụm công nghiệp, khu dân cư, thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố và tương đương (sau đây gọi chung là thôn) và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

[11] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đơn giản, thiết bị vui chơi, giải trí, tác phẩm mỹ thuật công cộng trang trí không gian, cảnh quan, có nội dung hoạt động chống đuối nước.

[12] Bao gồm: Mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù, bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể; mô hình di sản văn hóa gắn với các hành trình du lịch di sản văn hóa phát triển cộng đồng; các tác phẩm mới lấy cảm hứng từ văn hóa dân tộc thiểu số, mô hình nghề thủ công... Đối với xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có mô hình văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn.

[13] Phục vụ vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; phục vụ trẻ em, lực lượng vũ trang và nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, giáo dục khác.

[14] Các di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bổ trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ.

[15] Không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học; đối với danh lam thắng cảnh, được điều tra thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và đề xuất nhu cầu thích ứng, biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

[16] Bao gồm cả năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, ngoại ngữ, tổ chức hoạt động quần chúng.

[17] Tạo cơ hội cho các nghệ sĩ sáng tạo, trình bày tác phẩm, nâng cao tính thẩm mỹ của địa phương. Khuyến khích các hình thức xã hội hóa.